|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS QUYẾT TIẾN**  **TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **HỌ TÊN GIÁO VIÊN:**  **Nguyễn Quang Tạo** |

**BÀI : ÔN TẬP CHƯƠNG I**

Thời gian thực hiện: (02 tiết)

**I. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này học sinh có khả năng:

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống lại các nội dung đã học trong chương và cung cấp một số bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết các kiến thức học trong các bài học khác nhau.

**2. Về năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

*- Năng lực tự học:* HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

Lập và thực hiện kế hoạch học tập, thực hiện các cách học, hình thành cách ghi nhớ của bản thân, phân tích cách ghi nhớ.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**\* Năng lực đặc thù:**

*- Năng lực giao tiếp toán học*:

**-** Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản toán học hay do người khác nói hoặc viết ra.

**-** Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác).

**-** Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, kí hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic,...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng toán học trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác.

**-** Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến toán học.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học:

*Năng lực tính toán*: Thực hiện thành thạo các phép tính cộng, trừ đơn thức đồng dạng, cộng, trừ đa thức; Nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức; Chia đơn thức cho đơn thức, chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết).

Sử dụng được các công cụ tính toán trong học tập và trong đời sống hàng ngày (máy tính cầm tay)

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

+ Mạnh dạn nói lên ý kiến của mình, biết nhận lỗi, sửa lỗi, bảo vệ cái đúng cái tốt thông qua các hoạt động học tập

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập và trách nhiệm với công việc chung trong hoạt động nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách giáo khoa, sách giáo viên máy tính cầm tay, máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, sách bài tập, máy tính cầm tay, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (10 phút)ID132022KNTTSTT 66

**a) Mục tiêu:** Ôn tập một số kiến thức về đa thức, tạo hứng thúhọc tập.

**b) Nội dung:** HS chơi trò chơi ‘Vòng quay may mắn’.

**c) Sản phẩm:** Đưa ra đáp án các câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  GV nêu quy định, thể lệ trò chơi, chia học sinh thành 7 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm cử 1 nhóm trưởng để tham gia trò chơi.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS chia nhóm thực hiện theo yêu cầu.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ. |  |

**2. Hoạt động 2: Ôn tập** – **Luyện tập** (30 phút)

**a) Mục tiêu:** Hệ thống lại các nội dung đã học trong chương và cung cấp một số bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết các kiến thức học trong các bài học khác nhau.

**b) Nội dung:** Tổng hợp kiến thức trong chương, làm các bài tập ở SGK.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời các câu hỏi, làm các bài tập ở SGK.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi HS nhắc lại 1 số khái niệm, quy tắc liên quan đến đơn thức, đa thức.  - GV chia HS thành các nhóm làm các BT 1.43 – 1.45; 1.47 ở SGK.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời các câu hỏi.  - HS chia nhóm thực hiện theo yêu cầu.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời, nhận xét. | **1. Ôn tập lý thuyết**  **a) Đơn thức**  (Đơn thức thu gọn, bậc của đơn thức; Đơn thức đồng dạng; Cộng, trừ đơn thức đồng dạng)  (HS tự ôn tập)  **b) Đa thức**  (Thu gọn đa thức, bậc của đa thức;  Phép cộng và phép trừ đa thức; Phép nhân đa thức; Phép chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết))  (HS tự ôn tập) |

|  |  |
| --- | --- |
| - Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm nhận xét, kết luận.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ. | **2. Luyện tập**  **BT 1.43.**  a) Nhiều nhất 3 hạng tử bậc hai.  Ví dụ: x2 + xy + y2  b) Nhiều nhất 2 hạng tử bậc nhất.  Ví dụ: x2 + x + y  c) Nhiều nhất 6 hạng tử khác 0.  Ví dụ: x2 + xy + y2 + x + y + 1  **BT 1.44.**  a) 3x3(x5 – y5) + y5(3x3 – y3)  = 3x8 – 3x3y5 + 3x3y5 – y8 = 3x8 – y8  b) Với y4 = x4 ta có (y4)2 = y8 = (x4 )2 = 3x8  Suy ra 3x8 – y8 = 0  **BT 1.47.**  – 2x3y4 : D = xy2 => D = – 2x3y4 : xy2  => D = – 2x2y2  Ta có phép chia  (10x5y2 – 6 x3y4 + 8x2y5) : D  = (10x5y2 – 6 x3y4 + 8x2y5) : (– 2x2y2)  = – 5x3 + 3xy2 – 4y3  **BT 1.48.**  Đặt y = 2x – 5 ta có phép chia:  (8x3y2 – 6x2y3 + 10xy2) : 2xy2= 4x2 – 3xy + 5  Thay y = 2x – 5 vào kết quả ta có:  4x2 – 3x(2x – 5) + 5  = 4x2 – 6x2 + 15x + 5 = – 2x2 + 15x + 5 |

**3. Hoạt động 4: Vận dụng** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số bài tập có nội dung tổng hợp và các bài tập gắn với thực tiễn.

**b) Nội dung:** Hướng dẫn HS làm BT 1.46.

**c) Sản phẩm:** Kết quả Bt 1.46.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành BT 1.46 vào vở.

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc các định nghĩa, tính chất, quy tắc quan trọng của chương I.

- Làm các bài tập ôn tập chương I ở SBT.

- Xem trước bài 6 chương II ‘Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu’.